

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 36/2021/HS -PT
Ngày 03- 3- 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Ngọc Hà – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 04/2021/TLPT- HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Trọng T do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Trọng T**, Sinh năm: 1983; Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã T, thành phố Thanh Hóa; Chỗ ở: SN 01 đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Trọng D (Thương binh) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Lê Thị N và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 08/6/2009 TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm, xử phạt Nguyễn Trọng T 02 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 06 năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp 08 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2013; Chấp hành xong án phí ngày 13/3/2010; tạm giữ: ngày 22/02/2020; tạm giam: ngày 25/02/2020; có mặt.

- Có 02 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ hành vi môi giới mại dâm của Phạm Thị Thùy D, khoảng 23h30’ ngày 21/02/2020, Đội Hình sự - Công an thành phố Thanh Hóa tiến hành khám xét chỗ ở của Phạm Thị Thùy D, sinh năm 1997 cùng một số đối tượng khác trú tại 01 đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa. Quá trình khám xét tổ công tác đã phát hiện và thu giữ tang vật, đồ vật cụ thể sau:

Tại gầm cầu thang tầng 1:

- Tại ngăn kéo thứ 3 của kệ gỗ, thu giữ 01 túi nilon màu đen, loại có dây rút, bên trong có 1 túi vải màu xám có ghi chữ “POCKETABLE”. Bên trong túi vải có 11 gói nilon màu trắng, viên nắp màu xanh, (kích thước 3 x 3cm), bên trong mỗi túi đều chứa các hạt tinh thể màu trắng và 12 túi nilon màu trắng viên nắp màu xanh (kích thước 4 x 4,5cm), bên trong mỗi túi chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 túi nilon màu trắng viên nắp màu đỏ (kích thước 8,5 x 13,5cm) bên trong chứa 07 viên nén màu nâu, trên bề mặt mỗi viên có dập ký hiệu “ - ” và 05 viên nén màu cam có dập hình lá cây. (Ký hiệu M1).

- Tại ngăn kéo thứ 4 của kệ gỗ, thu giữ 01 túi nilon màu trắng, viên nắp màu đỏ, bên trong chứa 02 viên nén màu nâu, trên bề mặt mỗi viên có dập ký hiệu “ - ”, 01 viên nén màu hồng hình chữ nhật và 01 túi nilon màu trắng, viên nắp màu xanh (kích thước 4 x 4,5cm), bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng. (Ký hiệu M2).

- Tại khu vực gầm cầu thang phía trong, thu giữ 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng viên nắp màu đỏ (kích thước 11,5 x 6cm), bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; 06 túi nilon màu trắng, viên nắp màu xanh (kích thước 4 x 4,5cm), bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; 05 gói nilon màu trắng, viên nắp màu xanh (kích thước 3 x 3cm), bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 túi nilon màu đen bên trong chứa 73 túi nilon màu trắng với nhiều kích thước khác nhau đã qua sử dụng và chưa sử dụng; 01 cân tiểu ly (kích thước 9 x 5,5 x 2cm). (Ký hiệu M3).

Tại tầng 2, thu một số sổ sách ghi chép.

Đến ngày 22/02/2020, Nguyễn Trọng T, Trịnh Quang N và Vũ Văn H là các đối tượng sinh sống tại số nhà 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa đến cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa để đầu thú và khai báo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với số tang vật Công an thành phố Thanh Hóa đã thu giữ tại số 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa.

Tại cơ quan CSĐT Nguyễn Trọng T, Trịnh Quang N và Vũ Văn H khai nhận: Nhà 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa do T và Phạm Thị Thùy D thuê (D sống như vợ chồng với T). H và N cùng đến đó ở do cùng là người nghiện ma túy với nhau.

Ngày 06/2/2020, Nguyễn Trọng T đến quán Bar Bup trên đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa chơi. Tại đây T gặp một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ, người này có chào bán thuốc lắc với T. Do đang có nhu cầu sử dụng nên T đồng ý mua của người này 15 viên thuốc lắc với giá 260.000đ/01 viên. Sau khi mua được số thuốc lắc này T cất giấu để sử dụng dần.

Tối ngày 12/02/2020, thông qua mối quan hệ xã hội T biết một người đàn ông xưng tên là D nhà ở xã Q, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa có ketamin bán và D thường đứng ở khu vực xã T, thành phố Thanh Hóa. T đã đến tìm gặp D và hỏi mua một túi ketamin với giá 20 triệu đồng. D đồng ý và bán ketamin cho T. Sau khi mua được số ketamin trên, T mang cả 15 viên thuốc lắc về số nhà 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa. Khi về đến nhà, T gặp Trịnh Quang N và Vũ Văn Hải, T đưa toàn bộ ketamin và thuốc lắc cho N và H, đồng thời bảo chia ra cất giấu để sử dụng dần.

Sau khi nhận số ketamin và thuốc lắc từ T, N lấy cân tiểu ly có từ trước chia nhỏ số ketamin thành lượng vừa đủ cho mỗi lần sử dụng nhằm tránh quá liều. Sau khi chia nhỏ số ketamin, N đưa cho H cất giấu 07 túi ketamin (loại 4 x 4,5cm), 05 túi (loại 3x3cm), 01 túi (loại 11,5 x 6cm) và 03 viên thuốc lắc. H nhận số ma túy từ Nam đưa liền để 3 viên thuốc lắc và 1 túi ketamin (loại 4 x 4,5cm) vào ngăn kéo thứ tư của kệ gỗ, số còn lại H bỏ vào túi nilon màu đen rồi cất giấu trong gầm cầu thang tầng 1. Số ma túy còn lại gồm: 12 viên thuốc lắc, 11 túi (loại 3 x 3cm), 12 túi (loại 4 x 4,5cm) Nam cất giấu vào trong túi vải màu xám, bọc ngoài túi nilon màu đen, sau đó cho cả vào trong ngăn kéo thứ 3 của kệ gỗ đặt tại gầm cầu thang tầng 1. Khi cất giấu số ma túy trên chỉ có T, N và H cùng tham gia và biết. Những người cùng sinh sống tại 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa không ai biết.

Trong quá trình điều tra Vũ Văn H khai báo trước đó H đã có thời gian điều trị bệnh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thanh Hóa đã trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Vũ Văn H.

* Tại Bản kết luận giám định số 803 ngày 23/2/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 20,757g loại Ketamin.

- 07 viên nén hình vuông, màu nâu trên bề mặt mỗi viên có dấu “ - ” của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,263g loại MDMA.

- 05 viên nén màu cam có hình lá cây của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,894g loại MDMA.

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 22,043g loại Ketamin.

- 02 viên nén hình vuông, màu nâu trên bề mặt mỗi viên có dấu “ - ” của phong bì niêm phong ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,852g loại MDMA.

- 01 viên nén màu hồng, hình chữ nhật của phong bì niêm phong ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,501g loại MDMA.

- Các hạt tinh thể màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M3 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,129g loại Ketamin.

Như vậy tổng khối lượng ma túy T đưa cho N và H cất giấu là 49,929 gam ketamin và 6,51 gam MDMA.

Bản án số 39/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 249 BLHS (đối với Vũ Văn H và Trịnh Quang N); điểm b, n khoản 2 Điều 249 BLHS (đối với Nguyễn Trọng T) điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS (đối với cả 3 bị cáo); điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 BLHS (đối với Vũ Văn H).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng T, Vũ Văn H và Trịnh Quang N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng T 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 22/02/2020.

Bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Vũ Văn H và Trịnh Quang N mỗi bị cáo 08 (tám) năm tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2020, bị cáo Nguyễn Trọng T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Nguyễn Trọng T và Phạm Thị Thùy D thuê nhà số 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa để ở (D sống như vợ chồng với T). H và N cùng đến đó ở do cùng là người nghiện ma túy với nhau.

- Ngày 06/02/2020 Nguyễn Trọng T đến quán Bar Bup trên đường Lê Hữu L, phường S, thành phố Thanh Hóa chơi. Tại đây T gặp một người đàn ông không biết tên tuổi địa chỉ. T mua của người này 15 viên thuốc lắc với giá 260.000đ/01 viên.

- Tối ngày 12/2/2020, tại khu vực xã T, thành phố Thanh Hóa, T đã đến gặp một người tên là D (không rõ địa chỉ cụ thể của D) và mua một túi ketamin với giá 20 triệu đồng. Sau khi mua được số ketamin trên, T mang cả 15 viên thuốc lắc (mua ngày 06/02/2020) về số nhà 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa. Khi về đến nhà, T gặp Trịnh Quang N và Vũ Văn H, T đưa toàn bộ ketamin và thuốc lắc cho N và H, đồng thời bảo chia ra cất giấu để sử dụng dần.

- Sau khi nhận số ketamin và thuốc lắc từ T, N lấy cân tiểu ly có từ trước chia nhỏ số ketamin thành nhiều túi nhỏ với lượng vừa đủ cho mỗi lần sử dụng nhằm tránh quá liều và đưa cho H một số túi nhỏ ketamin và một số viên thuốc lắc, H cất giấu số ma túy này vào ngăn kéo thứ tư của kệ gỗ và gầm cầu thang tầng 1. Số ma túy còn lại gồm: 12 viên thuốc lắc, 11 túi loại (3 x 3cm), 12 túi loại (4 x 4,5cm) Nam cất giấu vào trong túi vải màu xám, bọc ngoài túi nilon màu đen sau đó cho cả vào trong ngăn kéo thứ 3 của kệ gỗ đặt tại gầm cầu thang tầng 1. Khi cất giấu số ma túy trên chỉ có T, N và H cùng tham gia và biết. Những người cùng sinh sống tại 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa không ai biết. Các bị cáo thừa nhận số ma túy mà Cơ quan điều tra khám xét, thu giữ vào lúc khoảng 23h30' ngày 21/02/2020 tại nhà số 01 Đường L, phường S, thành phố Thanh Hóa là của các bị cáo đã cất giấu tại đây. Các bị cáo cũng thừa nhận khối lượng ma túy

các bị cáo tàng trữ gồm 49,929 gam kentamin và 6,51 gam MDMA như kết quả giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa là đúng.

[2.2]. Các bị cáo tàng trữ trái phép cùng lúc 02 chất ma túy (kentamin và MDMA); khối lượng của chất MDMA thuộc quy định tại điểm g khối lượng của chất kentamin (chất ma túy khác ở thể rắn) thuộc quy định tại điểm l khoản 2 của Điều 249 BLHS. Căn cứ hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 19/2018NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ “*Quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của BLHS năm 2015*”, thì tổng tỉ lệ % khối lượng từng chất ma túy mà các bị cáo tàng trữ so với khối lượng tối thiểu chất ma túy tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 249 BLHS là:

- 6,51 gam MDMA so với 30 gam (là khối lượng tối thiểu của chất này quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 BLHS) = 21,7%.

- 49,929 gam kentamin so với 100 gam (là khối lượng tối thiểu của chất này quy định tại điểm e khoản 3 Điều 249 BLHS) = 49,9%.

=> Tổng tỉ lệ % hai chất ma túy là: 21,7% + 49,9% = 71,6% (dưới 100%)

* Do tổng tỉ lệ % hai chất ma túy các bị cáo tàng trữ dưới 100% (so với khối lượng chất ma túy quy định tại khoản 3 Điều 249 BLHS), nên hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với khối lượng trên thuộc quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS. Tuy tổng số ma túy là do Nguyễn Trọng T mua, nhưng sau khi mua, T đem về đưa tất cả số ma túy này cho Trịnh Quang N và Vũ Văn H; N và H biết toàn bộ số ma túy này, cùng thống nhất với T chia số ma túy thành các túi nhỏ và cất giấu để cùng nhau sử dụng dần. Do vậy cả ba bị cáo là đồng phạm trong hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với tổng khối lượng ma túy mà T đã mua, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS.

Riêng bị cáo Nguyễn Trọng T mua 02 lần ma túy (ngày 06/02 và ngày 12/02/2020), tàng trữ với mục đích sử dụng, do vậy T còn phải chịu thêm một tình tiết định khung “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 BLHS.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, n khoản 2 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, đồng ý với tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an. Việc đánh giá tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo như bản án sơ thẩm đã nhận định là hoàn toàn phù hợp. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là ông ngoại bị cáo được tặng thưởng

Huân chương kháng chiến hạng Nhất, mẹ bị cáo là thanh niên xung phong; gia đình bị cáo ủng hộ địa phương phòng, chống dịch Covid-19 số tiền 3.000.000 đồng (các tài liệu này đều được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận). Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy ở cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm cho bị cáo Nguyễn Trọng T một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí HSPT; căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của BLTTHS. Điểm d khoản 2 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng T.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa về hình phạt đối với Nguyễn Trọng T.

Căn cứ vào Điểm b, n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng T 08 (tám) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/02/2020.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Trọng T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Chi cục thi hành án DS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thủy